

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

\*\*\*\*\*

Số: 76/2023/MHC

V/v: "Giải trình BCTC 06 tháng đầu năm 2023  
đã soát xét – Cty mẹ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi :** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC 06 tháng đầu năm 2023 đã soát xét của Công ty mẹ như sau:

**Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 đã soát xét:**

|   |                      |
|---|----------------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2023: | 74.520.000 VNĐ       |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2022: | 0 VNĐ                |
| - Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2023:                     | 1.232.912.184 VNĐ    |
| - Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022:                     | - 30.852.498.517 VNĐ |

**Giải trình kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 đã soát xét của Công ty:**

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2023 tăng (lãi) so với cùng kỳ năm 2022 là do: Chi phí hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước. Sự biến động này chủ yếu phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán và hoàn nhập dự phòng của các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư vào Công ty con.

Trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.



*Phạm Bá Huy*  
CHỦ TỊCH HĐQT

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**MỤC LỤC**

|  | Trang   |
|--|---------|
| <b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>                     | 2 - 3   |
| <b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b> | 4       |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>              |         |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ                  | 5 - 6   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ  | 7       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ            | 8 - 9   |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ     | 10 - 37 |

# CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

### 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

|                         |                                 |
|-------------------------|---------------------------------|
| Ông Phạm Bá Huy         | Chủ tịch HĐQT                   |
| Ông Lê Việt Dũng        | Thành viên                      |
| Ông Nguyễn Đức Lợi      | Thành viên (từ ngày 15/6/2023)  |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên (đến ngày 15/6/2023) |

#### Ban Tổng Giám đốc

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Ông Phạm Bá Huy         | Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty |
| Ông Nguyễn Đức Lợi      | Tổng Giám đốc (từ ngày 01/7/2023)                   |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Tổng Giám đốc (đến ngày 01/7/2023)                  |
| Ông Nguyễn Huy Quảng    | Kế toán trưởng                                      |

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ..

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### **7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 37, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**PHẠM BÁ HUY**

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023



Số: 022/2023/BCSX-HT.00051

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                   | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | 30/6/2023              | 01/01/2023             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>190.857.785.859</b> | <b>124.789.480.441</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5.1</b>  | <b>10.089.741.201</b>  | <b>27.658.366.395</b>  |
| Tiền                                      | 111        |             | 10.089.741.201         | 27.658.366.395         |
| Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b> | <b>5.2</b>  | <b>139.124.224.978</b> | <b>56.404.127.039</b>  |
| Chứng khoán kinh doanh                    | 121        |             | 139.124.224.978        | 56.893.101.020         |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  | 122        |             | -                      | (488.973.981)          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>32.482.619.635</b>  | <b>31.254.346.635</b>  |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 5.3         | 378.708.843            | 337.722.843            |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 5.4         | 185.744.000            | 240.237.000            |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        | 5.5         | 1.000.000.000          | -                      |
| Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 5.6         | 30.977.236.792         | 30.735.456.792         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 5.7         | (59.070.000)           | (59.070.000)           |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| Hàng tồn kho                              | 141        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>9.161.200.045</b>   | <b>9.472.640.372</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |             | -                      | -                      |
| Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 8.412.230.203          | 8.298.568.219          |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước       | 153        | 5.13        | 748.969.842            | 1.174.072.153          |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>455.342.225.208</b> | <b>457.260.718.099</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>3.203.562.489</b>   | <b>3.203.562.489</b>   |
| Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 5.6         | 3.203.562.489          | 3.203.562.489          |
| <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>3.213.025.104</b>   | <b>4.057.846.440</b>   |
| Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 5.8         | 3.213.025.104          | 4.057.846.440          |
| - Nguyên giá                              | 222        |             | 7.920.159.963          | 7.920.159.963          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                  | 223        |             | (4.707.134.859)        | (3.862.313.523)        |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> | <b>5.9</b>  | <b>104.637.897.557</b> | <b>106.426.579.565</b> |
| - Nguyên giá                              | 231        |             | 107.320.920.569        | 107.320.920.569        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)              | 232        |             | (2.683.023.012)        | (894.341.004)          |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>240</b> |             | <b>647.415.110</b>     | <b>-</b>               |
| Xây dựng cơ bản dở dang                   | 242        | 5.10        | 647.415.110            | -                      |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>5.2</b>  | <b>343.640.324.948</b> | <b>343.572.729.605</b> |
| Đầu tư vào công ty con                    | 251        |             | 347.640.000.000        | 347.640.000.000        |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |             | 1.734.000.000          | 1.734.000.000          |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 10.950.000.000         | 10.950.000.000         |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |             | (16.683.675.052)       | (16.751.270.395)       |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                  | <b>270</b> |             | <b>646.200.011.067</b> | <b>582.050.198.540</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | 30/6/2023              | 01/01/2023             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                       | <b>300</b> |             | <b>155.920.250.275</b> | <b>93.003.349.932</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>310</b> |             | <b>79.608.464.548</b>  | <b>16.691.564.205</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn              | 311        | 5.12        | 9.175.915.648          | 9.202.436.719          |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 313        | 5.13        | -                      | 74.471.755             |
| Phải trả người lao động                  | 314        |             | 370.433.400            | 653.516.372            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                | 315        | 5.14        | 135.029.951            | 141.610.768            |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn        | 318        |             | -                      | -                      |
| Phải trả ngắn hạn khác                   | 319        | 5.15        | 3.129.552.099          | 3.125.802.099          |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn        | 320        | 5.11        | 65.026.842.767         | 1.672.765.409          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 322        |             | 1.770.690.683          | 1.820.961.083          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |             | <b>76.311.785.727</b>  | <b>76.311.785.727</b>  |
| Phải trả dài hạn khác                    | 337        | 5.15        | -                      | -                      |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn         | 338        | 5.11        | 76.311.785.727         | 76.311.785.727         |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> |             | <b>490.279.760.792</b> | <b>489.046.848.608</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>5.16</b> | <b>490.279.760.792</b> | <b>489.046.848.608</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                   | 411        |             | 414.069.640.000        | 414.069.640.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a       |             | 414.069.640.000        | 414.069.640.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                     | 412        |             | 28.614.580.000         | 28.614.580.000         |
| Cổ phiếu quỹ                             | 415        |             | (1.200.000)            | (1.200.000)            |
| Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |             | 8.712.225.710          | 8.712.225.710          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 38.884.515.082         | 37.651.602.898         |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 37.651.602.898         | 47.172.804.573         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này             | 421b       |             | 1.232.912.184          | (9.521.201.675)        |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>               | <b>440</b> |             | <b>646.200.011.067</b> | <b>582.050.198.540</b> |

Người lập biểu



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM BÁ HUY



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |
|--|-----------|-------------|---|---|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>              | <b>01</b> | <b>6.1</b>  | <b>74.520.000</b>                           | -   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                               | 02        |             | -   | -   |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |             | <b>74.520.000</b>                           | -   |
| Giá vốn hàng bán   | 11        | 6.2         | 1.857.356.462                               | -   |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>       | <b>20</b> |             | <b>(1.782.836.462)</b>                      | -   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                              | 21        | 6.3         | 7.525.028.136                               | 19.632.086.029                              |
| Chi phí tài chính  | 22        | 6.4         | 976.480.111                                 | 44.993.827.677                              |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                | 23        | 6.4         | 1.273.845.774                               | 269.803.864                                 |
| Chi phí bán hàng   | 25        |             | -   | -   |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 26        | 6.5         | 3.069.066.606                               | 4.388.133.310                               |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>30</b> |             | <b>1.696.644.957</b>                        | <b>(29.749.874.958)</b>                     |
| Thu nhập khác  | 31        |             | -   | 50.000                                      |
| Chi phí khác   | 32        |             | 147.914                                     | 1.102.673.559                               |
| <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                           | <b>40</b> |             | <b>(147.914)</b>                            | <b>(1.102.623.559)</b>                      |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                   | <b>50</b> |             | <b>1.696.497.043</b>                        | <b>(30.852.498.517)</b>                     |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                                | 51        | 6.6         | 463.584.859                                 | -   |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                 | 52        |             | -   | -   |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>               | <b>60</b> |             | <b>1.232.912.184</b>                        | <b>(30.852.498.517)</b>                     |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BA HUY

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |
|--|-----------|-------------|---|---|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>                                  |           |             |   |   |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01        |             | 1.696.497.043                               | (30.852.498.517)                            |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>  |           |             |   |   |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02        |             | 2.633.503.344                               | 913.429.710                                 |
| Các khoản dự phòng   | 03        |             | (556.569.324)                               | 25.834.007.742                              |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | (26.521.071)                                | (64.955.536)                                |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05        |             | (61.806.529)                                | (1.842.496.184)                             |
| Chi phí lãi vay  | 06        |             | 1.273.845.774                               | 269.803.864                                 |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                     | <b>08</b> |             | <b>4.958.949.237</b>                        | <b>(5.742.708.921)</b>                      |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu   | 09        |             | (380.417.532)                               | (9.534.640.173)                             |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho   | 10        |             | -   | -   |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)           | 11        |             | (456.034.261)                               | 2.036.883.051                               |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước  | 12        |             | -   | -   |
| (Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh   | 13        |             | (82.231.123.958)                            | (82.272.199.649)                            |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | (1.222.767.457)                             | (251.457.813)                               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | -   | (570.000.000)                               |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -   | -   |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | (5.700.000)                                 | (184.105.895)                               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                     | <b>20</b> |             | <b>(79.337.093.971)</b>                     | <b>(96.518.229.400)</b>                     |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |   |   |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác                                    | 21        |             | (647.415.110)                               | (1.132.776.633)                             |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác                                   | 22        |             | -   | 53.175.091.581                              |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                     | 23        |             | (13.000.000.000)                            | (85.000.000.000)                            |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                                 | 24        |             | 12.000.000.000                              | 143.000.000.000                             |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25        |             | -   | -   |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26        |             | -   | -   |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                      | 27        |             | 61.806.529                                  | 2.591.005.360                               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(1.585.608.581)</b>                      | <b>112.633.320.308</b>                      |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |
|---|-----------|-------------|---|---|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>           |           |             |   |   |
| Tiền thu từ đi vay                                      | 33        | 7.1         | 191.449.406.448                             | 196.816.822.445                             |
| Tiền trả nợ gốc vay                                     | 34        | 7.2         | (128.095.329.090)                           | (220.992.185.734)                           |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                 | 36        |             | -   | -   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> |             | <b>63.354.077.358</b>                       | <b>(24.175.363.289)</b>                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                   |           |             |   |   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                  | <b>50</b> |             | <b>(17.568.625.194)</b>                     | <b>(8.060.272.381)</b>                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                  | <b>60</b> |             | <b>27.658.366.395</b>                       | <b>10.137.729.268</b>                       |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        |             | -   | 52.765                                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                 | <b>70</b> | <b>5.1</b>  | <b>10.089.741.201</b>                       | <b>2.077.509.652</b>                        |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị





LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BA HUY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc của Công ty**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 06 người (tại ngày 01/01/2023 là: 06 người).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các công ty con tại ngày 30/6/2023, bao gồm:**

| STT | Tên công ty  | Địa chỉ  | % quyền biểu quyết | % lợi ích | Hoạt động chính         |
|-----|--|--|--------------------|-----------|-------------------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng | 100,00%            | 100,00%   | Dịch vụ vận tải         |
| 2   | Công ty Cổ phần Đầu tư MHC                             | Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội   | 99,00%             | 99,00%    | Đầu tư tài chính        |
| 3   | Công ty Cổ phần MHC Land                               | Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội   | 99,00%             | 99,00%    | Kinh doanh bất động sản |

**Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2023, bao gồm:**

| STT | Tên công ty                               | Địa chỉ   | % quyền biểu quyết | % lợi ích | Hoạt động chính |
|-----|---|---|--------------------|-----------|-----------------|
| 1   | Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*) | Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM | 51,00%             | 51,00%    | Dịch vụ vận tải |

- (\*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/6/2023.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Công ty liên doanh** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

***Khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn            05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý                    03 năm

**4.7 Bất động sản đầu tư*****Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 30 năm.

**4.8 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**4.9 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.10 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17  
17  
17  
17  
17

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.11 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

**4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu:** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**Cổ phiếu quỹ:** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.15 Doanh thu và thu nhập****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.16 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**4.18 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <u>30/6/2023</u>             | <u>01/01/2023</u>            |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                            | VND                          | VND                          |
| Tiền mặt                   | 660.137.278                  | 147.828.896                  |
| Tiền gửi ngân hàng         | 9.429.603.923                | 27.510.537.499               |
| Các khoản tương đương tiền | -                            | -                            |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>10.089.741.201</u></b> | <b><u>27.658.366.395</u></b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

|                                   | 30/6/2023              |                        |                 | 01/01/2023            |                       |                      |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
|                                   | Giá gốc<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND  | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Giá trị hợp lý<br>VND | Dự phòng<br>VND      |
| - Tổng giá trị cổ phiếu           | 139.124.224.978        | 169.300.904.400        | -               | 56.893.101.020        | 63.709.760.400        | (488.973.981)        |
| + Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex  | 69.748.554.147         | 78.483.600.000         | -               | 11.853.844.130        | 11.482.400.000        | (371.444.130)        |
| + Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX | 48.896.328.051         | 64.099.749.600         | -               | 1.466.351             | 916.500               | (549.851)            |
| + Giá trị cổ phiếu khác           | 20.479.342.780         | 26.717.554.800         | -               | 45.037.790.539        | 52.226.443.900        | (116.980.000)        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>139.124.224.978</b> | <b>169.300.904.400</b> | <b>-</b>        | <b>56.893.101.020</b> | <b>63.709.760.400</b> | <b>(488.973.981)</b> |

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

|                                     | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Năm 2022             |
|-------------------------------------|---|----------------------|
| Số dư đầu năm                       | VND   | VND                  |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ | (488.973.981)                                     | (114.070.000)        |
| Hoàn nhập dự phòng                  | -   | (23.629.330.357)     |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ           | 488.973.981                                       | 23.254.426.376       |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                | <b>-</b>  | <b>(488.973.981)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | 30/6/2023              |                         |                    | 01/01/2023             |                         |                    |
|--|------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|
|  | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá trị hợp lý VND |
| - Đầu tư vào công ty con                                 | VND                    | VND                     | VND                | VND                    | VND                     | VND                |
| + Công ty Cổ phần đầu tư MHC                             | 347.640.000.000        | (15.549.580.318)        | (*)                | 347.640.000.000        | (15.617.175.661)        | (*)                |
| + Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | 196.020.000.000        | -                       | (*)                | 196.020.000.000        | -                       | (*)                |
| + Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | 15.000.000.000         | (3.171.743.817)         | (*)                | 15.000.000.000         | (3.457.313.619)         | (*)                |
| + Công ty Cổ phần MHC Land                               | 136.620.000.000        | (12.377.836.501)        | (*)                | 136.620.000.000        | (12.159.862.042)        | (*)                |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                | 1.734.000.000          | (1.134.094.734)         | (*)                | 1.734.000.000          | (1.134.094.734)         | (*)                |
| + Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam                  | 1.734.000.000          | (1.134.094.734)         | (*)                | 1.734.000.000          | (1.134.094.734)         | (*)                |
| - Đầu tư vào đơn vị khác                                 | 10.950.000.000         | -                       | (*)                | 10.950.000.000         | -                       | (*)                |
| + Công ty Cổ phần Thekla                                 | 950.000.000            | -                       | (*)                | 950.000.000            | -                       | (*)                |
| + Công ty TNHH Vận tải Container Hải An                  | 10.000.000.000         | -                       | (*)                | 10.000.000.000         | -                       | (*)                |
| <b>Cộng</b>  | <b>360.324.000.000</b> | <b>(16.683.675.052)</b> |                    | <b>360.324.000.000</b> | <b>(16.751.270.395)</b> |                    |





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:**

|                                     | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Năm 2022                |
|-------------------------------------|---|-------------------------|
|                                     | VND   | VND                     |
| Số dư đầu năm                       | (16.751.270.395)                                  | (18.477.872.192)        |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ | (217.974.459)                                     | (5.240.173.923)         |
| Hoàn nhập dự phòng                  | 285.569.802                                       | 6.966.775.720           |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                | <b>(16.683.675.052)</b>                           | <b>(16.751.270.395)</b> |

- (\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- Thông tin chi tiết về các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.
  - Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và Công ty con, Công ty liên doanh liên kết (xem tại thuyết minh số 8.2)

**5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

|                                      | 30/6/2023          | 01/01/2023         |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                      | VND                | VND                |
| + Công ty Cổ phần Timescom Toàn Cầu  | 275.015.943        | 275.015.943        |
| + Các khoản phải thu khách hàng khác | 103.692.900        | 62.706.900         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>378.708.843</b> | <b>337.722.843</b> |

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | 30/6/2023          | 01/01/2023         |
|--|--------------------|--------------------|
|  | VND                | VND                |
| + Công ty Tư vấn Phát triển ĐT và Xây dựng | 65.500.000         | 65.500.000         |
| + Công ty CP SX, TM và DV Đại nguyên       | 82.000.000         | 82.000.000         |
| + Trả trước cho người bán khác             | 38.244.000         | 92.737.000         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>185.744.000</b> | <b>240.237.000</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

|  | 30/6/2023            | 01/01/2023 |
|--|----------------------|------------|
|  | VND                  | VND        |
| + Phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn | 1.000.000.000        | -          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.000.000.000</b> | <b>-</b>   |

**5.6. Phải thu khác**

|                           | 30/6/2023             |                 | 01/01/2023            |                 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                           | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| <b>Ngắn hạn</b>           | <b>30.977.236.792</b> | <b>-</b>        | <b>30.735.456.792</b> | <b>-</b>        |
| + Phải thu người lao động | 3.000.000             | -               | 3.000.000             | -               |
| + Ký cược, ký quỹ         | 30.712.582.044        | -               | 30.712.582.044        | -               |
| + Phải thu khác           | 261.654.748           | -               | 19.874.748            | -               |
| <b>Dài hạn</b>            | <b>3.203.562.489</b>  | <b>-</b>        | <b>3.203.562.489</b>  | <b>-</b>        |
| + Ký cược, ký quỹ         | 3.203.562.489         | -               | 3.203.562.489         | -               |
| <b>Cộng</b>               | <b>34.180.799.281</b> | <b>-</b>        | <b>33.939.019.281</b> | <b>-</b>        |

**5.7. Nợ xấu**

|                               | 30/6/2023            |                   |                                     | 01/01/2023           |                   |                                     |
|-------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------|
|                               | Thời gian<br>quá hạn | Giá gốc<br>VND    | Giá trị<br>có thể<br>thu hồi<br>VND | Thời gian<br>quá hạn | Giá gốc<br>VND    | Giá trị<br>có thể<br>thu hồi<br>VND |
| Công ty CP Nhựa<br>Miền Trung | Trên 3<br>năm        | 59.070.000        | -                                   | Trên 3<br>năm        | 59.070.000        | -                                   |
| <b>Cộng</b>                   |                      | <b>59.070.000</b> | <b>-</b>                            |                      | <b>59.070.000</b> | <b>-</b>                            |

**Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:**

|                                     | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Năm 2022            |
|-------------------------------------|---|---------------------|
|                                     | VND   | VND                 |
| Số dư đầu năm                       | (59.070.000)                                      | (59.070.000)        |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ | -   | -                   |
| Hoàn nhập dự phòng                  | -   | -                   |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ           | -   | -                   |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                | <b>(59.070.000)</b>                               | <b>(59.070.000)</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                        | Phương tiện vận      | Thiết bị dụng      | Tổng cộng            |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
|                                  | tài, truyền dẫn      | cụ quản lý         |                      |
|                                  | VND                  | VND                | VND                  |
| <b>Nguyên giá</b>                |                      |                    |                      |
| Số dư 01/01/2023                 | 7.669.994.364        | 250.165.599        | 7.920.159.963        |
| Mua trong năm                    | -                    | -                  | -                    |
| Thanh lý, nhượng bán             | -                    | -                  | -                    |
| Số dư 30/6/2023                  | <u>7.669.994.364</u> | <u>250.165.599</u> | <u>7.920.159.963</u> |
| <b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b> |                      |                    |                      |
| Số dư 01/01/2023                 | 3.685.289.208        | 177.024.315        | 3.862.313.523        |
| Khấu hao trong năm               | 832.960.584          | 11.860.752         | 844.821.336          |
| Thanh lý, nhượng bán             | -                    | -                  | -                    |
| Số dư 30/6/2023                  | <u>4.518.249.792</u> | <u>188.885.067</u> | <u>4.707.134.859</u> |
| <b>Giá trị còn lại</b>           |                      |                    |                      |
| Tại ngày 01/01/2023              | 3.984.705.156        | 73.141.284         | 4.057.846.440        |
| Tại ngày 30/6/2023               | <u>3.151.744.572</u> | <u>61.280.532</u>  | <u>3.213.025.104</u> |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.109.534.463 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

| Khoản mục                      | 01/01/2023      | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/6/2023       |
|--------------------------------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
|                                | VND             | VND           | VND           | VND             |
| <b>Nguyên giá</b>              | -               | -             | -             | -               |
| - Nhà và quyền sử dụng đất (*) | 107.320.920.569 | -             | -             | 107.320.920.569 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>  | -               | -             | -             | -               |
| - Nhà và quyền sử dụng đất     | 894.341.004     | 1.788.682.008 | -             | 2.683.023.012   |
| <b>Giá trị còn lại</b>         | -               | -             | -             | -               |
| - Nhà và quyền sử dụng đất     | 106.426.579.565 | -             | 1.788.682.008 | 104.637.897.557 |

(\*) Tạm tăng tài sản để đưa vào cho thuê theo Quyết định số 36/2022/QĐ-MHC ngày 01/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 104.637.897.557 đồng;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 đồng;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.10. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                     | <u>30/6/2023</u>          | <u>01/01/2023</u> |
|---------------------|---------------------------|-------------------|
|                     | VND                       | VND               |
| Dự án Nhà văn phòng | 647.415.110               | -                 |
| <b>Cộng</b>         | <u><b>647.415.110</b></u> | <u><b>-</b></u>   |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.11. Vay và nợ thuê tài chính**

|   | 30/6/2023              |                            | Trong năm              |                        | 01/01/2023            |                           |
|---|------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ VND. | Tăng                   | Giảm                   | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Vay và nợ ngắn hạn                             | 65.026.842.767         | 65.026.842.767             | VND<br>191.449.406.448 | VND<br>128.095.329.090 | VND<br>1.672.765.409  | 1.672.765.409             |
| + Công ty cổ phần chứng khoán VIX                 | 39.556.578.132         | 39.556.578.132             | 100.127.299.531        | 62.243.486.808         | 1.672.765.409         | 1.672.765.409             |
| + Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam        | 15.414.087.624         | 15.414.087.624             | 15.514.087.624         | 100.000.000            | -                     | -                         |
| + Công ty TNHH Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) | 10.056.177.011         | 10.056.177.011             | 75.808.019.293         | 65.751.842.282         | -                     | -                         |
| b) Vay dài hạn                                    | 76.311.785.727         | 76.311.785.727             | -                      | -                      | 76.311.785.727        | 76.311.785.727            |
| + Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)           | 76.311.785.727         | 76.311.785.727             | -                      | -                      | 76.311.785.727        | 76.311.785.727            |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>141.338.628.494</b> | <b>141.338.628.494</b>     | <b>191.449.406.448</b> | <b>128.095.329.090</b> | <b>77.984.551.136</b> | <b>77.984.551.136</b>     |

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng SGO202113391192/HDTD ngày 20/4/2021. Số tiền vay 76.311.785.727 đồng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo khung ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | 30/6/2023            |                                 | 01/01/2023           |                                 |
|--|----------------------|---------------------------------|----------------------|---------------------------------|
|  | Giá trị<br>VND       | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND       | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| + Công ty CP Cung<br>ứng và Dịch vụ Kỹ<br>thuật Hàng hải | 988.817.357          | 988.817.357                     | 988.817.357          | 988.817.357                     |
| + Công ty CP TM Dầu<br>Khí Cửu Long                      | 405.150.000          | 405.150.000                     | 405.150.000          | 405.150.000                     |
| + ISS Machinery<br>Sevices                               | 371.386.299          | 371.386.299                     | 406.790.098          | 406.790.098                     |
| + Công ty Cổ phần<br>Tập đoàn Ecopark                    | 5.339.349.352        | 5.339.349.352                   | 5.339.349.352        | 5.339.349.352                   |
| + Phải trả cho các đối<br>tượng khác                     | 2.071.212.640        | 2.071.212.640                   | 2.062.329.912        | 2.062.329.912                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.175.915.648</b> | <b>9.175.915.648</b>            | <b>9.202.436.719</b> | <b>9.202.436.719</b>            |

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****Phải nộp**

|                       | 01/01/2023        | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã thực<br>nộp trong kỳ | 30/6/2023 |
|-----------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|-----------|
|                       | VND               | VND                     | VND                        | VND       |
| Thuế giá trị gia tăng | -                 | -                       | -                          | -         |
| Thuế thu nhập DN      | -                 | -                       | -                          | -         |
| Thuế thu nhập cá nhân | 74.471.755        | 56.004.900              | 130.476.655                | -         |
| Các loại thuế khác    | -                 | 3.000.000               | 3.000.000                  | -         |
| <b>Cộng</b>           | <b>74.471.755</b> | <b>59.004.900</b>       | <b>133.476.655</b>         | <b>-</b>  |

**Phải thu**

|                       | 01/01/2023           | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số đã thực<br>nộp trong kỳ | 30/6/2023          |
|-----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------|
|                       | VND                  | VND                     | VND                        | VND                |
| Thuế giá trị gia tăng | 574.072.153          | 3.726.000               | -                          | 570.346.153        |
| Thuế thu nhập DN      | 600.000.000          | 463.584.859             | -                          | 136.415.141        |
| Thuế thu nhập cá nhân | -                    | -                       | 42.208.548                 | 42.208.548         |
| <b>Cộng</b>           | <b>1.174.072.153</b> | <b>467.310.859</b>      | <b>42.208.548</b>          | <b>748.969.842</b> |

**5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                            | 30/6/2023          | 01/01/2023         |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
|                            | VND                | VND                |
| Chi phí lãi vay            | 52.332.891         | 1.254.574          |
| Các khoản trích trước khác | 82.697.060         | 140.356.194        |
| <b>Cộng</b>                | <b>135.029.951</b> | <b>141.610.768</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Phải trả khác**

|  | <u>30/6/2023</u>            | <u>01/01/2023</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
|  | VND                         | VND                         |
| a) Ngắn hạn  |                             |                             |
| + Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN                 | 68.002.471                  | 40.002.471                  |
| + Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                        | -                           | -                           |
| + Cổ tức phải trả                                      | 1.102.828.650               | 1.102.828.650               |
| + Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội | 1.503.000.000               | 1.503.000.000               |
| + Các khoản phải trả, phải nộp khác                    | 455.720.978                 | 479.970.978                 |
| <b>Cộng</b>  | <u><b>3.129.552.099</b></u> | <u><b>3.125.802.099</b></u> |
|  | <u>30/6/2023</u>            | <u>01/01/2023</u>           |
|  | VND                         | VND                         |
| b) Dài hạn   |                             |                             |
| + Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                         | -                           | -                           |
| <b>Cộng</b>  | <u>-</u>                    | <u>-</u>                    |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.16. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                          | Vốn góp của<br>chủ sở hữu<br>VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VND | Cổ phiếu quỹ<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | LN sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND            |
|--------------------------|----------------------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Số dư 01/01/2022</b>  | <b>414.069.640.000</b>           | <b>28.614.580.000</b>          | <b>(1.200.000)</b>  | <b>8.712.225.710</b>            | <b>67.876.226.573</b>                | <b>519.271.472.283</b> |
| Tăng vốn trong năm trước | -                                | -                              | -                   | -                               | -                                    | -                      |
| Lãi trong năm trước      | -                                | -                              | -                   | -                               | -                                    | -                      |
| Giảm vốn trong năm trước | -                                | -                              | -                   | -                               | -                                    | -                      |
| Lỗ trong năm trước       | -                                | -                              | -                   | -                               | (9.521.201.675)                      | (9.521.201.675)        |
| Chia cổ tức              | -                                | -                              | -                   | -                               | (20.703.422.000)                     | (20.703.422.000)       |
| <b>Số dư 01/01/2023</b>  | <b>414.069.640.000</b>           | <b>28.614.580.000</b>          | <b>(1.200.000)</b>  | <b>8.712.225.710</b>            | <b>37.651.602.898</b>                | <b>489.046.848.608</b> |
| Lãi trong kỳ này         | -                                | -                              | -                   | -                               | 1.232.912.184                        | 1.232.912.184          |
| Lỗ trong kỳ này          | -                                | -                              | -                   | -                               | -                                    | -                      |
| Chia cổ tức              | -                                | -                              | -                   | -                               | -                                    | -                      |
| <b>Số dư 30/6/2023</b>   | <b>414.069.640.000</b>           | <b>28.614.580.000</b>          | <b>(1.200.000)</b>  | <b>8.712.225.710</b>            | <b>38.884.515.082</b>                | <b>490.279.760.792</b> |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

## b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                         | <u>30/6/2023</u>              | <u>01/01/2023</u>             |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                         | VND                           | VND                           |
| Vốn góp của các cổ đông | 414.069.640.000               | 414.069.640.000               |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>414.069.640.000</u></b> | <b><u>414.069.640.000</u></b> |

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                           | <u>Kỳ kế toán 06<br/>tháng kết thúc<br/>ngày 30/6/2023</u> | <u>Năm 2022</u>  |
|---------------------------|--|------------------|
|                           | VND  | VND              |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 414.069.640.000  | 414.069.640.000  |
| + Vốn góp đầu năm         | 414.069.640.000  | 414.069.640.000  |
| + Vốn góp tăng trong năm  | -  | -                |
| + Vốn góp giảm trong năm  | -  | -                |
| + Vốn góp cuối kỳ         | 414.069.640.000  | 414.069.640.000  |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | -  | (20.703.422.000) |

## d) Cổ phiếu

|  | <u>30/6/2023</u> | <u>01/01/2023</u> |
|--|------------------|-------------------|
|  | VND              | VND               |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 41.406.964       | 41.406.964        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 41.406.964       | 41.406.964        |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 41.406.964       | 41.406.964        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | 120              | 120               |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 120              | 120               |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 41.406.844       | 41.406.844        |
| + Cổ phiếu phổ thông                   | 41.406.844       | 41.406.844        |
| + Cổ phiếu ưu đãi                      | -                | -                 |

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

## đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng****Nợ khó đòi đã xử lý**

| Đối tượng công nợ                                   | Nguyên nhân             | 30/6/2023        |                             | 01/01/2023       |                             |
|---|-------------------------|------------------|-----------------------------|------------------|-----------------------------|
|   |                         | Năm<br>xóa<br>sổ | Giá trị<br><br>VND          | Năm<br>xóa<br>sổ | Giá trị<br><br>VND          |
| + Công ty TNHH Vận tải Sông<br>Đào                  | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 328.000.000                 | 2018             | 328.000.000                 |
| + Công ty TNHH TM DV Phong<br>Châu                  | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 84.000.000                  | 2018             | 84.000.000                  |
| + Công ty XD Công trình Đường<br>thủy II            | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 45.000.000                  | 2018             | 45.000.000                  |
| + Tàu ACHIEVER                                      | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 447.223.065                 | 2018             | 447.223.065                 |
| + Công ty GNVN Quyết Tiến                           | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 238.100.000                 | 2018             | 238.100.000                 |
| + Công ty TNHH Hàng hải<br>Wallem Việt Nam          | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 218.016.797                 | 2018             | 218.016.797                 |
| + Công ty TNHH VT hàng công<br>nghệ cao (Transvina) | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 110.000.000                 | 2018             | 110.000.000                 |
| + Tàu OCEAN PARK                                    | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2018             | 2.356.396                   | 2018             | 2.356.396                   |
| + Bransford International Ltd                       | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2013             | 1.510.085.635               | 2013             | 1.510.085.635               |
| + Far Shipping Lines Pte Ltd                        | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2013             | 832.800.000                 | 2013             | 832.800.000                 |
| + Công ty Obayashi Việt Nam                         | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2013             | 671.955.900                 | 2013             | 671.955.900                 |
| + Công ty TNHH Đền hình Orion<br>Hanel              | Doanh nghiệp<br>phá sản | 2012             | 1.007.000.000               | 2012             | 1.007.000.000               |
| + Tổng Công ty Xây dựng số 1                        | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2012             | 353.441.000                 | 2012             | 353.441.000                 |
| + Bùi Tiến Học                                      | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2020             | 25.500.000                  | 2020             | 25.500.000                  |
| + Các khoản công nợ nó đòi<br>khác                  | Nợ đọng lâu<br>ngày     | 2012             | 1.406.380.106               | 2012             | 1.406.380.106               |
| <b>Cộng</b>   |                         |                  | <b><u>7.279.858.899</u></b> |                  | <b><u>7.279.858.899</u></b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|--|---|---|
|  | VND   | VND   |
| a) Doanh thu                           |   |   |
| Doanh thu bán hàng                     | -   | -   |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ             | 74.520.000  | -   |
| + <i>Dịch vụ vận tải</i>               | -   | -   |
| + <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i>    | 74.520.000  | -   |
| <b>Cộng</b>                            | <b>74.520.000</b>                                 | <b>-</b>  |
|  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|  | VND   | VND   |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | -   | -   |

**6.2. Giá vốn hàng bán**

|                                     | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|-------------------------------------|---|---|
|                                     | VND   | VND   |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán         | -   | -   |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp     | 1.857.356.462                                     | -   |
| + <i>Dịch vụ vận tải</i>            | -   | -   |
| + <i>Dịch vụ cho thuê văn phòng</i> | 1.857.356.462                                     | -   |
| Các khoản ghi giảm giá vốn          | -   | -   |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.857.356.462</b>                              | <b>-</b>  |

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|-----------------------------|---|---|
|                             | VND   | VND   |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay  | 57.356.529  | 945.169.743                                       |
| Lãi bán các khoản đầu tư    | 7.436.700.536                                     | 16.621.960.750                                    |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 4.450.000   | 2.000.000.000                                     |
| Lãi chênh lệch tỷ giá       | 26.521.071  | 64.955.536  |
| <b>Cộng</b>                 | <b>7.525.028.136</b>                              | <b>19.632.086.029</b>                             |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.4. Chi phí tài chính**

|   | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023<br>VND | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022<br>VND |
|---|--|--|
| Lãi tiền vay  | 1.273.845.774  | 269.803.864  |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính                   | 259.203.661  | 18.890.016.071   |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 217.974.459  | 26.039.040.757   |
| Các khoản hoàn nhập dự phòng                                | (774.543.783)  | (205.033.015)  |
| <b>Cộng</b>   | <b>976.480.111</b>                                       | <b>44.993.827.677</b>                                    |

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023<br>VND | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022<br>VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên quản lý        | 1.076.049.528  | 2.243.277.353  |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 31.324.680   | 67.941.809   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 844.821.336  | 913.429.710  |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3.000.000  | 3.000.000  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 916.828.562  | 1.012.380.684  |
| Chi phí bằng tiền khác           | 197.042.500  | 148.103.754  |
| <b>Cộng</b>                      | <b>3.069.066.606</b>                                     | <b>4.388.133.310</b>                                     |

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| Thuyết minh   | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023<br>VND | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022<br>VND |
|---|--|--|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                               | (i) 463.584.859  | -  |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | -  | -  |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>  | <b>463.584.859</b>                                       | <b>-</b>   |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

## (i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành

|  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|--|---|---|
|  | VND   | VND   |
| Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh        | 463.584.859                                       | -   |
| Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản | -   | -   |
| <b>Thuế TNDN phải trả hiện hành</b>                | <b>463.584.859</b>                                | <b>-</b>  |

**6.7. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

|  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|--|---|---|
|  | VND   | VND   |
| Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường                   | -   | 28.800.000.000                                    |
| Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường                        | -   | -   |
| Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi                    | -   | -   |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả | -   | -   |
| Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác                         | 191.449.406.448                                   | 168.016.822.445                                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>191.449.406.448</b>                            | <b>196.816.822.445</b>                            |

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

|  | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06<br>tháng kết thúc<br>ngày 30/6/2022 |
|--|---|---|
|  | VND   | VND   |
| Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường            | -   | 65.800.000.000                                    |
| Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường                        | -   | -   |
| Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi                    | -   | -   |
| Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả | -   | -   |
| Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác                      | 128.095.329.090                                   | 155.192.185.734                                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>128.095.329.090</b>                            | <b>220.992.185.734</b>                            |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

**8.2 Thông tin về các bên liên quan**

## a) Thông tin về các bên liên quan

| TT | Tên bên liên quan                                      | Mối quan hệ                  |
|----|--|------------------------------|
| 1  | Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng | Công ty con                  |
| 2  | Công ty Cổ phần Đầu tư MHC                             | Công ty con                  |
| 3  | Công ty Cổ phần MHC Land                               | Công ty con                  |
| 4  | Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam                  | Công ty liên doanh liên kết  |
| 5  | Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát         | Quản lý chủ chốt của Công ty |

## b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| Bên liên quan           | Mối quan hệ  | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 |
|-------------------------|--|---|---|
|                         |  | VND   | VND   |
| Ông Phạm Bá Huy         | Chủ tịch HĐQT  | 345.760.000                                 | 388.218.600                                 |
| Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh | Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/6/2023), Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/7/2023) | 256.565.333                                 | 166.320.000                                 |
| Ông Lê Việt Dũng        | Thành viên HĐQT  | 48.000.000                                  | 48.000.000                                  |
| Ông Nguyễn Đức Lợi      | Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/6/2023), Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/7/2023)   | 4.266.667                                   | -   |
| Bà Nguyễn Tú Uyên       | Trưởng Ban KS (Bổ nhiệm 03/6/2022)                                       | 37.600.000                                  | 6.064.516                                   |
| Bà Nguyễn Thuý Nga      | Thành viên Ban KS  | 12.000.000                                  | 22.064.516                                  |
| Bà Trần Thị Nhiên       | Thành viên Ban KS  | 12.000.000                                  | 12.000.000                                  |
| Nguyễn Thị Thơm         | Thành viên Ban KS (Miễn nhiệm 31/5/2022)                                 | -   | 9.935.484                                   |
| Ông Nguyễn Huy Quảng    | Kế toán trưởng   | 209.460.000                                 | 197.785.800                                 |
|                         |  | <b>925.652.000</b>                          | <b>850.388.916</b>                          |

## c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác: Không phát sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 30/6/2023, Công ty không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

**8.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**8.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG

NGUYỄN HUY QUẢNG

PHẠM BÁ HUY

